TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2018/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 5 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Thái Hoàng Đắc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Loan
Ông Nguyễn Việt Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Nga Muội – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1968 (xin vắng mặt).
Trú tại: ấp TK, xã Phong L, huyện T, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thanh H – sinh năm 1964 (xin vắng mặt).
Trú tại: ấp TK, xã Phong L, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16-4-2018 của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H và biên bản hòa giải ngày 16-5-2018, nguyên đơn và bị đơn Ông Nguyễn Thanh H thống nhất trình bày:

Về hôn nhân: Năm 1989, bà H và ông H tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Hai người đã ly thân 07 năm nay. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà H và ông H thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về nuôi con chung: Bà H và ông H có 03 người con chung là Nguyễn Kim T – sinh năm 1990, Nguyễn Hoàn K – sinh năm 1991 và Nguyễn Quốc T – sinh năm 1993 (đã chết). Cháu T và K đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản, nợ chung: Bà H và ông H xác định không có.

Ông H và bà H yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H và bị đơn Ông Nguyễn Thanh H yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông bà.

[2] *Về hôn nhân*: Năm 1989, bà H và ông H tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý"*. Vậy, hôn nhân giữa ông H và bà H đã vi phạm về mặt hình thức.

Mặt khác, bà H và ông H thống nhất trình bày: Quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Hai người đã ly thân 07 năm nay mà không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông H và bà H thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét mục đích hôn nhân giữa ông H và bà H không đạt được và không có giá trị pháp lý nên không được pháp luật công nhận ông bà là vợ chồng.

[3] *Về nuôi con chung:* Bà H và ông H có 03 người con chung là Nguyễn Kim T – sinh năm 1990, Nguyễn Hoàn K – sinh năm 1991 và Nguyễn Quốc T – sinh năm 1993 (đã chết). Cháu T và K đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về chia tài sản và nợ chung*: Bà H và ông H xác định không có nên không xem xét.

[5] *Về án phí*: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 143, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Bà Nguyễn Thị H và Ông Nguyễn Thanh H.

2. Về nuôi con chung: Bà H và ông H có 03 người con chung là Nguyễn Kim T – sinh năm 1990, Nguyễn Hoàn K – sinh năm 1991 và Nguyễn Quốc T – sinh năm 1993 (đã chết). Cháu T và K đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về chia tài sản và nợ chung: Bà H và ông H xác định không có.

4. Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngày 16-4-2018, bà H đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008057 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Phòng KT-NV và THA TAND tỉnh Cà Mau (Gửi email);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Hoàng Đắc